

Số: 758/QĐ-ĐHTDM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi bởi Luật Giáo dục 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một; Nghị quyết số 91/NQ-HĐT ngày 28 tháng 03 năm 2025 và Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng Trường;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tuyển sinh và truyền thông tại Tờ trình số 54/TTr-BTS&TT ngày 10 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế tuyển sinh Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 2. Quyết định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2026 trở về sau.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 841/QĐ-ĐHTDM ngày 23/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Tuyển sinh và truyền thông của Trường Đại học Thủ Dầu Một và các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường (để b/c);
- Như Điều 3;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, BTS&TT, H(3).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Ngô Hồng Điệp

QUY CHẾ

Tuyển sinh Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một

(Ban hành kèm theo Quyết định số 758/QĐ-ĐHTDM ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu Trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học (sau đây gọi là Quy chế) quy định nguồn tuyển, chính sách ưu tiên, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, phương thức tuyển sinh; quy trình, nguyên tắc, yêu cầu; đăng ký xét tuyển, xét tuyển, xét tuyển bổ sung; trúng tuyển, xác nhận nhập học, bảo lưu kết quả trúng tuyển; quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh trình độ đại học của hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên.

2. Quy chế này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một (sau đây gọi tắt là Trường).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phạm vi tuyển sinh* là các chương trình, ngành, nhóm ngành (sau đây gọi chung là chương trình đào tạo) và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. *Cổng Thông tin tuyển sinh* của Trường là giao diện trang điện tử (website) của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường

3. *Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung* của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

4. *Mã trường* trong tuyển sinh là một mã quy ước gồm 03 ký tự chữ hoặc số thống nhất toàn quốc dùng để định danh tuyển sinh một cơ sở đào tạo; phân hiệu hoặc đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo có bộ máy quản lý được lập mã tuyển sinh riêng.

5. *Mã xét tuyển* là một mã quy ước định danh của một chương trình (hoặc một ngành hoặc một nhóm ngành hoặc lĩnh vực hoặc cơ sở đào tạo) sử dụng thống nhất trong một Trường, phân hiệu hoặc một đơn vị đào tạo thuộc, trực

thuộc Trường. Mã xét tuyển do Trường tự quy ước và tối đa không quá 09 ký tự bao gồm ký tự số và ký tự chữ.

6. *Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông* là kỳ thi được tổ chức theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hàng năm.

7. *Kỳ thi tuyển sinh* là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc kết hợp với các tiêu chí khác để xét tuyển.

8. *Kỳ thi độc lập* là kỳ thi được thiết kế và tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ xét tuyển độc lập hoặc xét tuyển kết hợp hoặc sử dụng làm điều kiện để xét tuyển.

9. *Kỳ thi bổ trợ* là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ hoặc một tiêu chí phục vụ xét tuyển; có thể tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến; Trường tổ chức kỳ thi quy định quy trình tổ chức thi, đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi và các điều kiện khác.

10. *Thi trực tiếp* là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp tại địa điểm thi; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

11. *Thi trực tuyến* là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.

12. *Phương thức tuyển sinh* là việc Trường sử dụng độc lập hoặc kết hợp của các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi độc lập, kết quả kỳ thi bổ trợ, chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ ngoại ngữ dùng để thay thế điểm môn ngoại ngữ, để xét tuyển thí sinh vào một chương trình đào tạo.

13. *Quy đổi tương đương* là việc quy đổi ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do Trường quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng (sau đây gọi là *độ lệch điểm*).

14. *Tiêu chí đánh giá* là việc sử dụng kết quả thi, kiểm tra để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

15. *Tiêu chí xét tuyển* là những tiêu chí được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi hoặc cả kết quả học tập và kết quả thi và các tiêu chí đánh giá khác; được quy thành điểm số để xét tuyển (*điểm xét tuyển*) trong đó đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có).

16. *Trọng số tính điểm xét* của 01 môn trong 01 tổ hợp xét tuyển là phần đóng góp của môn đó trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp có 03 môn (không nhân hệ số) thì trọng số tính điểm xét của 01 môn bất kỳ trong tổ hợp xét tuyển là 1/3.

17. *Dự tuyển* là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào chương trình đào tạo của một cơ sở đào tạo, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường (nếu có).

18. *Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào* (gọi tắt là ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

19. *Điểm ưu tiên* là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định tại Quy chế này.

20. *Điểm cộng* do Trường xây dựng và công bố theo các tiêu chí thành tích phù hợp với đầu vào chương trình đào tạo bao gồm:

a) *Điểm thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế này; mức điểm thưởng từ 0 - 3,00 điểm theo thang điểm 30;

b) *Điểm xét thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30;

c) *Điểm khuyến khích* dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30.

21. *Xét tuyển thẳng* là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế này.

22. *Xét tuyển* là quy trình xử lý riêng tại từng cơ sở đào tạo hoặc xử lý chung theo nhóm cơ sở đào tạo để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo theo các tiêu chí xét tuyển do cơ sở đào tạo xác định căn cứ theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học do Bộ GDĐT ban hành.

23. *Xử lý nguyện vọng* là quy trình xử lý trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

24. *Điểm trúng tuyển* của một chương trình đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: thí sinh được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán, kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực (trừ những quy định đặc thù của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh) hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng, tin cậy về khả năng học tập, triển vọng thành công và đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên vào chương trình đào tạo đã đăng ký mà đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện đầy đủ các cam kết đã thông báo đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Trường hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh, bảo đảm quyền lợi tối đa cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng trong tuyển sinh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với các bên liên quan qua hình thức phù hợp về công tác tuyển sinh.

Điều 4. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh; bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Trường thực hiện tất cả biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo; tổ chức xét tuyển tất cả nguyện vọng hợp lệ của thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào cơ sở đào tạo trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung.

3. Trường phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống, giúp nâng cao chất lượng đầu vào, hiệu quả tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 5. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này đối với chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển, trừ các đối tượng tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Trường.

3. Trường bổ sung quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

4. Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, Trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh và nguồn tuyển

1. Trường sử dụng tối đa 05 phương thức tuyển sinh không bao gồm xét tuyển thẳng, xét tuyển đối tượng cử tuyển, xét tuyển đối tượng dự bị đại học.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét, điều kiện trúng tuyển trong đó:

a) Các tiêu chí dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình đào tạo;

b) Phương thức xét tuyển không thể hiện được yêu cầu ở điểm a khoản này thì người dự tuyển phải có kết quả học tập tối thiểu 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn học phù hợp với yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo trừ trường hợp xét tuyển vào các ngành ngôn ngữ hoặc sư phạm ngoại ngữ;

c) Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển;

d) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa theo thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và bảo đảm không có thí sinh có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên quy định tại Điều 7 của Quy chế này).

3. Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;

Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

4. Trường hợp thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (đề miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) đăng ký xét tuyển đại học, Trường xây dựng và công bố bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ và điểm xét môn ngoại ngữ:

a) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh và điểm xét môn ngoại ngữ xây dựng phải có tối thiểu 05 mức điểm chênh lệch ứng với thang điểm của chứng chỉ sử dụng;

b) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ khác và điểm xét môn ngoại ngữ tương ứng do Hiệu trưởng quy định;

c) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được rà soát, điều chỉnh tối thiểu 02 năm một lần trên cơ sở đối sánh kết quả học tập thực tế của sinh viên trúng tuyển áp dụng từ năm 2026;

d) Chứng chỉ ngoại ngữ chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích.

5. Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT bắt buộc môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 02 môn học (trong đó bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn) và dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), Trường quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ;

c) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

6. Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển có ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT có dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), Trường quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ.

7. Đối với một chương trình đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc kết hợp các phương thức tuyển sinh hoặc sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập hoặc tổ hợp xét tuyển khác:

a) Trường xác định độ lệch điểm theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

b) Không quy định mã xét tuyển riêng, số lượng tuyển sinh xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định số lượng tuyển sinh xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

8. Trường tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình về căn cứ việc xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ, độ lệch điểm dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước; có trách nhiệm xử lý đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi, kết quả trúng tuyển của thí sinh.

9. Tuyển sinh của các chương trình đào tạo đặc thù, đào tạo đặt hàng theo các đề án, nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện theo đề án.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên (UT) theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục I của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục II của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo do Trường quy định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông

Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

đ) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

e) Việc xét tuyển thẳng hoặc không được xét tuyển thẳng các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ của khoản này do Hiệu trưởng quyết định.

3. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

d) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

4. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh đã đạt ngưỡng đầu vào hoặc cộng điểm (điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) cho các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các chương trình đào tạo nghệ thuật phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

đ) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

5. Trường quy định cụ thể và công bố trong thông tin tuyển sinh: kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, số lượng tuyển sinh, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các chương trình đào tạo chính quy và thường xuyên

1. Ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật sử dụng phương thức tuyển sinh theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, trung học nghề được quy định hằng năm như sau:

a) Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên;

b) Bộ trưởng Bộ GDĐT, chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề; chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật.

2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên và chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật áp dụng khoản 1 Điều này hoặc kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

3. Tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề áp dụng khoản 1 Điều này hoặc:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn

và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên đối với chương trình đào tạo Điều dưỡng.

4. Thí sinh là vận động viên cấp 1, vận động viên kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do cơ sở đào tạo tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

5. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

a) Đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo giáo viên, chương trình thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, chương trình thuộc lĩnh vực pháp luật trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

b) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các chương trình đào tạo Điều dưỡng ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

6. Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn, ngưỡng đầu vào do Trường quy định.

7. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo. Đối với ngưỡng đầu vào chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật ngưỡng đầu vào do Trường xác định không được thấp hơn quy định tại Điều này.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả do Trường quy định, nhưng không quá 36 tháng đối với người quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu 36 tháng, Hiệu trưởng xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Trường xây dựng, công bố, thực hiện đúng cam kết thông tin tuyển sinh về đối tượng, điều kiện dự tuyển, nguồn tuyển, phương thức tuyển sinh, ngưỡng đầu vào, điểm cộng, độ lệch điểm, tiêu chí phụ (nếu có); có trách nhiệm giải trình với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Cung cấp đủ thông tin để thí sinh lựa chọn trường, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát được việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh gồm có:

a) Giới thiệu về Trường, chương trình đào tạo tuyển sinh, giấy phép hoạt động của ngành đào tạo (nếu có), quyết định ban hành chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, cơ sở vật chất, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng (nếu có), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn (theo Phụ lục III của Quy chế);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và số lượng tuyển sinh (dự kiến) đối với các chương trình đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân bổ người học theo học chương trình đào tạo của Trường đối với trường hợp xét tuyển theo nhóm ngành, ngành có nhiều chương trình đào tạo cùng một mức điểm trúng tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Thông tin tuyển sinh, nội dung điều chỉnh, độ lệch điểm, số lượng tuyển sinh chính thức, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào tại thông tin tuyển sinh (phụ lục IV) phải công bố trên Cổng thông tin điện tử của Trường theo kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm của Bộ GDĐT; duy trì tối thiểu 04 năm liên tục kể từ ngày công bố, trường hợp cập nhật thông tin phải ghi thời điểm cập nhật.

Điều 12. Thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh

1. Trong các kỳ thi đăng ký xét tuyển/thi tuyển vào Trường, Hiệu trưởng Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh (gọi tắt là HĐTS) để điều hành các công việc liên quan tới công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

3. Hội đồng tuyển sinh sẽ thành lập các Ban giúp việc để tổ chức các kỳ xét tuyển/thi tuyển theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

Điều 13. Kỳ thi bổ trợ

1. Đối với các ngành mà có yêu cầu việc xét tuyển phải xét đến tiêu chí về tài năng, năng khiếu hoặc phẩm chất đặc biệt theo đặc thù của ngành/nhóm

ngành đào tạo, Trường tổ chức thi bài thi bổ trợ để đánh giá tài năng, năng khiếu, phẩm chất liên quan đến ngành/nhóm ngành đào tạo (gọi tắt là bài thi năng khiếu).

2. Hiệu trưởng ban hành quy chế tổ chức thi các môn thi năng khiếu công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

3. Thông tin về kỳ thi năng khiếu của Trường được công khai trong thông tin tuyển sinh, trong thông báo thi năng khiếu.

4. Hằng năm, Hiệu trưởng quyết định việc chấp nhận hoặc không chấp nhận sử dụng kết quả thi năng khiếu của các trường đại học khác vào các ngành/nhóm để sử dụng trong xét tuyển được công bố trong thông tin tuyển sinh hoặc thông báo thi năng khiếu của Trường.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 14. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Bộ GDĐT ban hành kế hoạch tuyển sinh chung để Trường phối hợp triển khai các quy trình sau đây:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là Hệ thống) hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường theo quy định của Quy chế;

c) Xử lý nguyện vọng trên Hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên Hệ thống và nhập học tại Trường.

2. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, xét tuyển đợt 1 và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 15. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung; hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống.

3. Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn chương trình đào tạo đã trúng tuyển thẳng tại một cơ sở đào tạo hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.

5. Hiệu trưởng không được yêu cầu thí sinh cam kết nhập học dưới mọi hình thức hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 16. Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống

1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của các cơ sở đào tạo. Thời gian đăng ký theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (hoặc qua Công dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT hằng năm.

3. Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

Các chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);

b) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);

c) Lựa chọn chương trình đào tạo (mã xét tuyển).

5. Thí sinh đăng ký xét tuyển vào các trường trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện các quy định tại Quy chế này và quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

6. Trong đợt 1, thí sinh đăng ký xét tuyển và chỉ nộp lệ phí xét tuyển một lần duy nhất (không bao gồm lệ phí các kỳ bổ trợ, kỳ thi độc lập) theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do các cơ sở đào tạo quy định.

Điều 17. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên Hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống, Trường tải thông tin, dữ liệu từ Hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT (trung học nghề), kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (trung học nghề), điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề), kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, điểm chứng chỉ ngoại ngữ, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng chương trình đào tạo phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố theo nguồn tuyển và không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

đ) Trường có thể quy định các tiêu chí phụ khác làm điều kiện cần để xét tuyển và không sử dụng làm tiêu chí phân loại thí sinh ở điểm c, khoản này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) lên Hệ thống. Hệ thống tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng và trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất. Trường có trách nhiệm rà soát đầy đủ thông tin trong thông tin tuyển sinh với kết quả thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất sau mỗi lần Hệ thống trả kết quả xử lý nguyện vọng.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lặp lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển phù hợp với số lượng tuyển sinh trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên Hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các chương trình đào tạo theo đúng thông tin công bố trong thông tin tuyển sinh.

Điều 18. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh, cam kết thông tin công bố chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả công bố trúng tuyển; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển) trên trang thông tin điện tử của Trường (hoặc của nhóm cơ sở đào tạo phối hợp xét tuyển); giải đáp thắc mắc của thí sinh và xã hội (nếu có) về kết quả công bố.

2. Trường thông báo kết quả trúng tuyển cho từng thí sinh theo điểm và tên phương thức trúng tuyển kèm theo thủ tục nhập học và có quyền từ chối nhập học đối với thí sinh khai báo không trung thực về thông tin cá nhân đăng ký xét tuyển.

3. Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trước khi nhập học tại Trường trong thời hạn quy định.

4. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Trường hợp không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh đã từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh, việc chấp thuận thí sinh vào học do Hiệu trưởng quyết định và chịu trách nhiệm giải trình về thời gian tiếp nhận thí sinh nhập học muộn (nếu có);

c) Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học; lập hồ sơ lưu trữ và báo cáo danh sách riêng thí sinh bị sự cố trong báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm.

5. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại một cơ sở đào tạo không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung trong năm tuyển sinh, trừ trường hợp được Hiệu trưởng cơ sở đào tạo trúng tuyển cho phép.

Điều 19. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định xét tuyển các đợt bổ sung và công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển, hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung, điều kiện xét tuyển bổ sung đối với các chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào một cơ sở đào tạo bất kỳ có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển); gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

4. Trường có thể công bố xét tuyển đợt bổ sung ngay sau khi có kết quả thí sinh xác nhận nhập học các đợt nếu số thí sinh xác nhận nhập học các đợt thấp hơn số lượng tuyển sinh của Trường công bố trong tuyển sinh đợt 1; việc

xét tuyển bổ sung phải đảm bảo số lượng tuyển sinh công bố trong các đợt bổ sung không được vượt quá số lượng tuyển sinh đã công bố ở đợt 1; mỗi đợt xét tuyển bổ sung, thời gian từ khi công bố phương án đến khi bắt đầu xét tuyển phải tối thiểu là 10 ngày.

Điều 20. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của các cơ sở đào tạo, không đăng ký nguyện vọng vào những chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có); tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Tự chịu trách nhiệm về rủi ro phát sinh khi sử dụng kết quả các kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập của các cơ sở đào tạo hoặc các tổ chức nước ngoài tổ chức kỳ thi độc lập;

đ) Hoàn thành thanh toán mức thu dịch vụ tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển theo quy định của các cơ sở đào tạo.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên Hệ thống;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn, hướng dẫn thí sinh; thực hiện các biện pháp kỹ thuật để hạn chế thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót khách quan trong tuyển sinh;

d) Tuân thủ quy trình xét tuyển, bảo đảm xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật;

g) Chủ động tạm dừng tuyển sinh và báo cáo Bộ GDĐT việc tạm dừng tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo khi không đủ điều kiện duy trì tổ

chức thực hiện đào tạo theo quy định hiện hành, không đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan;

h) Trừ trường hợp thay đổi chính sách tuyển sinh theo quy định của Bộ GDĐT, Trường công bố công khai việc điều chỉnh phương thức tuyển sinh tối thiểu trước 12 tháng và khuyến khích công bố điều chỉnh phương thức tuyển sinh trước 36 tháng kể từ năm tuyển sinh 2027;

i) Đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kết quả kỳ thi độc lập trong xét tuyển đại học.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Trường

1. Xây dựng quy chế tuyển sinh riêng của Trường để cụ thể hóa những quy định của Quy chế tuyển sinh do Bộ GDĐT ban hành cho các hình thức đào tạo, công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

2. Tổ chức tuyển sinh theo thông tin tuyển sinh và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường.

3. Tổ chức rà soát thông tin tuyển sinh, tiến hành kiểm tra nội bộ, hậu kiểm hoạt động tuyển sinh; chủ động giải quyết các rủi ro phát sinh của Trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh của Trường theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, Trường phải hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức đào tạo bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về chương trình đào tạo tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo tuyển sinh trên Hệ thống của Bộ GDĐT.

5. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. Đối với các kỳ thi phục vụ xét tuyển đại học phải bảo quản danh sách phòng thi, bài thi của thí sinh, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

6. Trường sử dụng kết quả kỳ thi độc lập để xét tuyển đại học phải có trách nhiệm thực hiện việc đối sánh với kết quả học tập của sinh viên hằng năm và sau 03 năm liên tiếp áp dụng từ năm 2026 với các tiêu chí: kết quả học tập và thời gian học tập của người trúng tuyển nếu sử dụng phương thức xét tuyển độc lập.

Điều 22. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học theo từng hình thức đào tạo để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần HĐTS gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó chủ tịch: các Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên Thường trực: Trưởng Ban Quản lý Đào tạo hoặc Trưởng Ban Tuyển sinh và truyền thông;

d) Các ủy viên: Một số Trưởng hoặc phó Trường/Khoa/Viện, Trung tâm, Ban.

Những người có người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột; cha, mẹ, chị em ruột của vợ hoặc chồng) dự thi/xét tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS Trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS Trường

a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã công bố trong thông tuyển sinh;

b) Quyết định điểm trúng tuyển đầu vào của ngành, của phương thức tuyển sinh;

c) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

d) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;

đ) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

e) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và cơ quan trực tiếp quản lý Trường.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS Trường.

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;

b) Báo cáo với Bộ GDĐT và cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;

c) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS của Trường để triển khai công tác tuyển sinh.

5. Phó chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 23. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS Trường

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:
 - a) Trưởng ban Thư ký do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;
 - b) Phó Trưởng ban Thư ký: Phó Trưởng Ban Quản lý Đào tạo hoặc Phó Trưởng Ban Tuyển sinh và truyền thông;
 - c) Các ủy viên: Một số Trưởng hoặc phó Trường/Khoa/Viện, Trung tâm, Ban.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS:
 - a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức và địa điểm đăng ký xét tuyển hoặc dự thi (nếu có) trên các trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;
 - b) Tổ chức kiểm tra hồ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;
 - c) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ trên hệ thống (đối với tuyển sinh đại học chính quy);
 - d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
 - đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển;
 - e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 24. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban chuyên môn khác giúp việc cho HĐTS Trường

1. Các ban chuyên môn gồm: Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo, Ban Máy tính tuyển sinh, Ban Cơ sở vật chất, Ban Tư vấn quy đổi điểm.
2. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn thực hiện theo quy định của Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.
3. Các ban chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐTS phân công.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GD&ĐT.
2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.
3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

4. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên cơ hữu của Trường không phải là công chức, viên chức, Hiệu trưởng có trách nhiệm xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Vi phạm về công tác tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành. Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh và những cá nhân có liên quan của Trường vi phạm cũng bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 26. Khen Thưởng

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh khen thưởng hoặc đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng

1. Những cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Những cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Quy chế áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2026 trở về sau.
2. Trường Ban Tuyển sinh và truyền thông, các Trường đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quy chế này.
3. Hằng năm, quy chế này sẽ được bổ sung, sửa đổi, cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Trường Ban Tuyển sinh và truyền thông để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Phụ lục I**KHU VỰC ƯU TIÊN**

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm 1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
Nhóm 2	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

Phụ lục III
THÔNG TIN TUYỂN SINH

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM¹
(Hình thức đào tạo:²)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:**
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh**
- 3. Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử**
- 5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
- 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:**
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo³** (chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...)

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

- 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**
- 2. Mô tả phương thức tuyển sinh⁴** (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)
- 3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
- 4. Số lượng tuyển sinh**
(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

		ngành, nhóm ngành xét tuyển	nhóm ngành	nhóm ngành			học	điểm xét		học	điểm xét	
1.												
2.												
3.												
...												

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

.....ngày..... thángnăm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

¹ Thông tin tối thiểu, cơ sở đào tạo bổ sung các thông tin khác của CSĐT (nếu cần).

² Chính quy/đào tạo thường xuyên (liên thông, đã có một văn bằng...); cập nhật theo kế hoạch tuyển sinh bảo đảm quy định về công bố thông tin tuyển sinh.

³ Theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công khai các thông tin về hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

⁴ Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

^{5,6} Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Phụ lục IV
THÔNG TIN TUYỂN SINH CẬP NHẬT
(Kèm theo Quy chế tuyển sinh Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

ỦY BAN NHÂN DÂN
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM CẬP NHẬT
 (Hình thức đào tạo:)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử
5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh³ (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh cập nhật

- Ngưỡng đầu vào
- Điểm trúng tuyển

2. Số lượng tuyển sinh cập nhật

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp...) - Phương thức 2... - Phương thức 3...	
2.							

3.							
...							

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

.....ngày..... thángnăm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ